

Một số đặc điểm tình hình dân số nước ta hiện nay

NGUYỄN THÒ VÂN^(*)

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết TW 4, khóa VII về chính sách dân số – kế hoạch hóa gia đình, tình hình dân số ở nước ta đã có những thay đổi rất căn bản. Mục tiêu giảm sinh và thực hiện “mỗi cặp vợ chồng chỉ hai con” đã đạt được. Những thành tựu quan trọng trong công tác dân số của Việt Nam đã được Liên hiệp quốc đánh giá rất cao. Năm 1999, Liên hiệp quốc đã trao tặng giải thưởng dân số cho Việt Nam. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể những thành tựu nói môi trường sống và chất lượng cuộc sống. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhân khẩu học tiến hành vào ngày 01-04-2009 cho thấy thực trạng tình hình dân số ở nước ta đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải quan tâm giải quyết. Bài viết, bổ sung thêm và tìm hiểu một số đặc điểm tình hình dân số của nước ta hiện nay.

Dân số là số lượng dân cư của một quốc gia hay một vùng lãnh thổ nhất định. Đây là nhiều kiến thức xuyên suốt, tất yếu của đời sống xã hội. Số lượng, chất lượng dân số mà mỗi dân cư cũng như cơ cấu dân số tác động đến tăng dân số sẽ phản ánh dân cư theo lãnh thổ thông qua ảnh hưởng đến nguồn lao động, tổ chức phân công lao động cũng như việc phát triển sản xuất và phát triển môi trường sống xã hội. Thực hiện công bố tổng điều tra và công bố việc điều tra quan hệ giữa số lượng và chất lượng dân số giữa phát triển dân số và phát triển nguồn nhân lực, giữa phân bố và di chuyển dân cư với phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm của công tác dân số ở nước ta.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết TW 4, khóa VII về chính sách dân số – kế hoạch hóa gia đình (DS – KHHGĐ), tình hình dân số ở nước ta đã có những thay đổi rất căn bản. Mục tiêu giảm

sinh và thực hiện “mỗi cặp vợ chồng chỉ hai con” đã đạt được. Các số liệu điều tra dân số cho thấy tỷ lệ tăng dân số ở nước ta sau 5 thập kỷ đã giảm hơn 1/3 từ 3,9% năm 1960 xuống còn 1,2% năm 2009. Giai đoạn 10 năm (từ năm 2000 đến năm 2009) là những năm tỷ lệ tăng dân số rất thấp nhất trong vòng 50 năm qua. Hiện nay nước ta đã đạt mức sinh thay thế⁽¹⁾. Thành công này đã góp phần giảm bớt sức ép về số tăng dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, an sinh xã hội, tạo cơ hội cho người dân tiếp cận thuận tiện và nhiều chất lượng hơn các dịch vụ y tế giáo dục, việc làm và các dịch vụ xã hội khác. Những thành tựu quan trọng trong công tác dân số của Việt Nam đã được Liên hiệp quốc đánh giá rất cao. Năm 1999, Liên hiệp quốc đã trao tặng giải thưởng dân số cho Việt Nam. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể những thành tựu nói môi trường sống và chất lượng

^(*) TS., Giảng viên Khoa Lý luận Mác – Lênin, Trường Cán bộ TP HCM.

⁽¹⁾ Báo Sức khỏe & Đời sống, N204, 22/12/2009

vững. Thước trảng tình hình dân số nông thôn ta đang rất ra nhiều vấn đề cần phải quan tâm giải quyết. Muốn như vậy, phải tiến hành tìm hiểu, phân tích, nhận giải pháp để tình hình dân số nông thôn hiện nay. Nghiên cứu kết quả cuộc Tổng điều tra dân số và nhân khẩu tiến hành vào ngày 01-04-2009 cho thấy như sau cho phép chúng ta đưa ra một số nhận xét về tình hình dân số nông thôn hiện nay như sau:

Một là quy mô dân số nông thôn ta rất lớn, mật độ dân số cao so với khu vực và thế giới:

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhân khẩu nông thôn tiến hành vào ngày 01-04-2009, đến 0 giờ ngày 01-04-2009 quy mô dân số Việt Nam là 85.789.573 người, tỷ lệ giới tính: 98,1 nam/100 nữ Nam chiếm 49,5%, nữ chiếm 50,5% dân số. Sau 10 năm (tính từ 1-04-1999 đến 1-04-2009) dân số nông thôn ta tăng thêm 9,5 triệu người, bình quân mỗi năm tăng 950.000 người, tổng nông thôn với dân số của một tỉnh trung bình. Với quy mô dân số như vậy, Việt Nam là nước nông thôn đông dân nhất thế giới (sau Indonesia và Philippines) và đứng thứ 13 trong số những nước đông dân nhất thế giới⁽²⁾.

Cùng với quy mô dân số lớn, mật độ dân số nông thôn ta cũng luôn ở mức cao, khoảng 237 người/1km², gấp 1,8 lần mật độ dân số Trung Quốc và gấp 5 lần mật độ dân số trung bình của thế giới⁽³⁾.

Theo dõi báo của Cục Thống kê năm 2024 dân số nông thôn ta sẽ vượt 100 triệu người, mật độ dân số sẽ lên tới 335 người/1km².

Quy mô dân số lớn, mật độ dân số cao và đang tăng trong xu hướng tăng mạnh như vậy bên cạnh tạo ra môi trường sống với dân số trẻ nguồn lao động dồi dào để xây dựng, phát triển đất nước, thu hút đầu tư nước ngoài thì cũng rất ra nhiều khó khăn, thách thức cho sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt là việc giải quyết các vấn đề xã hội như nạn đói nghèo, giải quyết việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và người cao tuổi.

Hai là đất nước đang trong thời kỳ "cơ cấu dân số vàng" nhưng phải đối mặt với xu hướng già hóa trong tổng thể dân số:

Việt Nam đang bước vào thời kỳ cơ cấu dân

số vàng, thời kỳ mà nhóm dân số trong độ tuổi lao động cao gặp gỡ với nhóm dân số trong độ tuổi phụ thuộc.

Bên cạnh nội dung ta cũng đang phải đối mặt với xu hướng già hóa dân số trong tổng thể dân số. Theo dự kiến của các chuyên gia, quá trình già hóa dân số của Việt Nam sẽ diễn ra nhanh hơn dự kiến. So với cuộc điều tra dân số tiến hành vào 01-04-1999, nhóm dân số dưới 15 tuổi giảm từ 33% (năm 1999) xuống còn 25% (năm 2009). Ngược lại, tỷ lệ dân số nhóm 15-19 tuổi tăng từ 58% lên 66% và nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên tăng từ 8% lên 9%. Sau 10 năm, chỉ số già hóa của dân số Việt Nam tăng 11% (từ 24,5% lên 35,9%). Chỉ số già hóa của Việt Nam hiện nay cao hơn mức trung bình của khu vực Đông Nam Á (30%). Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng 3,7 tuổi so với năm 1999, lên 72,8 tuổi (nam đạt 70,2 tuổi, nữ - 75,6 tuổi)⁽⁴⁾.

Thông thường các nước trên thế giới phải mất nhiều thập kỷ mới chuyển từ giai đoạn cơ cấu dân số trẻ sang giai đoạn già hóa dân số trong khi Việt Nam chỉ mất có 3 năm (từ 2005 đến 2008). Như vậy Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế giới có dân số già khi còn trẻ, nghĩa là chưa tích lũy được gì thì đã già⁽⁵⁾.

Theo dõi báo, đến năm 2024, chỉ số già hóa của 12.811.400 người cao tuổi, chiếm tỷ lệ 13% trong tổng dân số vượt tiêu chuẩn xã hội già hóa và này sẽ là thách thức lớn đối với hệ thống bảo hiểm xã hội⁽⁶⁾.

Ba là cơ cấu giới tính trẻ số sinh có biểu hiện mất cân đối nghiêm trọng, số trẻ sinh ra là con thối ba con xu hướng gia tăng:

Kết quả Tổng điều tra dân số và nhân khẩu nông thôn tiến hành vào ngày 01-04-2009 cho thấy tỷ lệ giới tính nói chung ở nông thôn ta vẫn ở mức bình thường. Tuy vậy, tỷ lệ chênh lệch giới tính trẻ số sinh lại có những biểu hiện đáng lo ngại có mất cân bằng giới tính nghiêm trọng trong tổng thể. Nếu năm 1999 tỷ lệ này là 108 bé trai/100 bé gái thì hiện nay là 111 bé trai/100 bé gái, thậm chí có một số phòng chênh lệch tới 131 bé trai/100 bé gái⁽⁷⁾. Những con số trên này cho thấy tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh ở Việt

(2) Xem: Báo Sài Gòn Giải phóng, 01/01/2010 ; hoặc: <http://www.vneconomy.vn/2009>

(3) Xem: www.dantri.com.vn, 18/07/2008.

(4) Báo Người Lao động, 1/01/2010

(5) Xem: Báo Người Lao động, 01/01/2010

(6) Xem Tạp chí Cộng sản niên kỷ N 17 (161), 2008.

(7) Báo Người Lao động, 01/01/2010

Nam có biểu hiện gia tăng một cách bất thường, cho phép chúng ta bắt ra giá trị rất đáng tin cậy là một số bậc cha mẹ và các cá nhân, tổ chức y tế đã có sự can thiệp vào sự lựa chọn giới tính để sinh con trai. Nếu tình trạng này vẫn tiếp tục kéo dài thì có thể dẫn đến nguy cơ mất cân bằng giới tính nghiêm trọng trong tương lai khoảng vài chục năm nữa, một số lượng lớn nam giới Việt Nam đến tuổi lập gia đình không thể tìm được vợ. Từ đây có thể làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội rất nặng nề như buôn bán phụ nữ mại dâm, nhập khẩu cô dâu v.v., ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng dân số Việt Nam.

Ngày lâu y số trẻ sinh ra là con thối ba trôi lềnh bềnh có chiều hướng gia tăng. Ô nhiễm, năm 2008, cứ một nghìn trẻ sinh ra là có con thối ba trôi lềnh⁽⁹⁾. Riêng thành phố Hồ Chí Minh năm 2008 có 3.123 trẻ là con thối ba, tăng 8,12% so với cùng kỳ năm 2007⁽¹⁰⁾. Trong 11 tháng đầu năm 2009 đã có 2.615 trẻ là con thối ba được sinh ra tại thành phố Hồ Chí Minh⁽¹¹⁾.

Thời điểm trên cho thấy vẫn còn nhiều biểu hiện vi phạm các quy định của Pháp lệnh dân số mức tiêu giảm sinh tuy rất nặng nề nhưng chưa bền vững.

Biên lập dân số nước ta phần bố không đều, có dân số đông nhất ở các vùng:

Theo kết quả cuộc Tổng điều tra, dân số nước ta phần bố không đều và có sự khác biệt lớn theo vùng: hai vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có tới 43% dân số của cả nước sinh sống. Trong khi đó hai vùng trung du, miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên chỉ chiếm 19% dân số. Số liệu cũng cho thấy Đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ tăng dân số cao nhất với 3,2%/năm⁽¹²⁾. Ở khu vực này Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ tăng bình quân là 3,5%/năm, Bình Dương tăng 7,3%/năm. Đây cũng là những nơi có tốc độ nhập cư rất lớn⁽¹³⁾.

10 năm qua đã có sự chuyển dịch đáng kể về nhiều người dân nông thôn vào thành thị. Nếu như năm 1999 chỉ có 23,7% dân số sống ở thành thị thì nay con số này đã tăng gần 30%. Trong giai đoạn 1999-2009 dân số khu vực thành thị tăng

7,3 triệu người. Trong khi đó đồng bằng sông Hồng có mức đô thị hóa thấp hơn với 29,6% dân số thành thị thì Đồng bằng sông Cửu Long có mức đô thị hóa cao nhất, nhanh nhất với 57,1% dân số sống ở thành thị⁽¹⁴⁾.

Trong thời gian tới, quá trình công nghiệp hóa và đi đôi với nó là thành thị hóa và đi đôi tiếp tục diễn ra mạnh mẽ ở nước ta sẽ làm cho dân số đô thị sẽ có dân số sẽ tăng gia tăng. Nhiều nhà nghiên cứu đã dự báo rằng cho việc quy hoạch đô thị, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các thành phố lớn ở nước ta.

Biên cảnh nội một sinh, một chế độ này giảm mạnh những vấn đề chênh lệch giữa các vùng. Một sinh của Việt Nam tiếp tục giảm trong giai đoạn 1999-2009. So với kết quả tổng điều tra vào năm 1999, tỷ suất sinh của trẻ em dưới 1 tuổi đã giảm từ 2,3 con/1 phụ nữ xuống dưới một sinh thay thế là 2 con/ 1 phụ nữ. Tuy nhiên, vẫn còn khác biệt về mức sinh giữa khu vực thành thị là 1,8 con /1 phụ nữ với khu vực nông thôn là 2,15 con/1 phụ nữ⁽¹⁵⁾. Kết quả điều tra cho thấy mức tăng dân số ở nhiều nơi cao nhất thuộc về khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Khu vực này cũng với đồng bằng sông Cửu Long là những nơi có số năm tử hóc trung bình của dân số thấp nhất, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao nhất. Thời điểm này cho phép nói ra đời báo là trong tương lai vài chục năm tới, số trẻ em thành thị có nhiều kiến thức hơn, dinh dưỡng tốt sẽ rất nhiều trẻ em sinh ra rất nhiều so với trẻ em nông thôn, miền núi. Nhiều nhà nghiên cứu cũng sẽ có những tiêu cực nên chất lượng dân số nước ta.

Nam lập chất lượng dân số Việt Nam tuy có một số cải thiện nhưng vẫn chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa nước ta:

Chỉ số phát triển con người (The Human Development Index – HDI) của nước ta không ngừng tăng lên, từ 0,539 năm 1992 đã tăng lên 0,733 năm 2005. Tuy nhiên, so với thế giới, chỉ số HDI của Việt Nam vẫn ở mức thấp, năm 2009 chỉ đứng thứ 116/182 nước xếp hạng, thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực⁽¹⁶⁾. Tỷ lệ lao động qua đào tạo môi trường chỉ đạt 28 - 30%.

⁽⁹⁾ Giañinh.net 19/12/2008

⁽¹⁰⁾ Giañinh.net 22/12/2008

⁽¹¹⁾ Xem: www.thanhnien.com.vn, 26/12/2009

⁽¹²⁾ Báo Người Lao động, 1/01/2010

⁽¹³⁾ Báo Phụ nữ TPHCM, N62, 14/08/2009

⁽¹⁴⁾ Báo Người Lao động, 1/01/2010

⁽¹⁵⁾ Báo Người Lao động, 01/01/2010

⁽¹⁶⁾ Xem: http://www.gopft.gov.vn

Tuổi thọ bình quân khỏe mạnh của người Việt Nam đạt 60,2 /72,2 tuổi thọ bình quân; 1,5% dân số bị thiếu năng lực trí tuệ của con người có 5,3 triệu người bị khuyết tật, chiếm 6,3% dân số Việt Nam thuộc nhóm 20 nước có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cao nhất thế giới. Tâm vóc, thể lực, cân nặng, sức bền của người Việt Nam còn hạn chế so với nhiều nước trong khu vực⁽¹⁷⁾.

Những con số trên cho thấy chất lượng dân số nước ta tuy khá nhiều cải thiện nhưng vẫn còn một thấp, chưa đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Tồn tại thời vai trò vô cùng quan trọng của yêu cầu dân số với sự tiến bộ và phát triển của xã hội, tồn tại trạng thái tình hình dân số nước ta hiện nay, giảm tỷ lệ sinh, tăng chất lượng dân số bố trí cơ cấu dân số và phân bố dân cư hợp lý phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là những yêu cầu cấp thiết đặt ra với công tác dân số. Nếu công tác phát huy những thành tựu dân số nước ta, trong thời kỳ nước ta những thành tựu mới trong công tác dân số làm cho dân số trở thành yếu tố tích cực thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, theo yêu cầu chung toàn, nên tập trung giải quyết một số vấn đề như sau:

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật về DS-KHHGD, bảo đảm toàn diện, bao quát, con người cùng các dịch vụ, phòng ngừa, kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình có chất lượng cao đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu của người dân. Nâng mạnh công tác truyền thông DS-KHHGD. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định của Pháp lệnh dân số để biết là các trường hợp sinh con thừa, các trường hợp, cần nhận can thiệp nhằm lựa chọn giới tính của thai nhi.

- Tận dụng "cơ cấu dân số vàng" để phát triển kinh tế. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của con người cũng nhờ tổng hòa những quan tâm hôn nhân nên công tác này tạo nên sự phát triển quyết định, là ngành hoặc ngành chuyên nghiệp của cơ cấu lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ. Kế hoạch phát triển

giáo dục, nhất là bậc tiểu học và trung học cơ sở cần chú ý nên xu thế tỷ lệ trẻ em năng khiếu nhanh nên có sự nhiều cạnh tranh cho phù hợp. Trong thời, trước xu thế gia tăng dân số đang diễn ra nhanh chóng, gia đình, Nhà nước và xã hội cần quan tâm hôn nhân nên việc tổ chức cuộc sống, nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Một mặt khuyến khích duy trì mô hình gia đình truyền thống để người cao tuổi nước con cháu chăm sóc tại gia đình; mặt khác xây dựng, phát triển các dịch vụ, trung tâm dưỡng lão có chất lượng đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Thúc đẩy phân bố dân cư hợp lý giữa các khu vực, các vùng, miền để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thể mạnh của từng vùng; xây dựng các khu đô thị vệ tinh, giải tỏa sức ép dân số tại các đô thị đang bùng nổ và các thành phố lớn. Tránh hình thành các "siêu đô thị" với những thảm họa về môi trường và các vấn đề xã hội bằng cách xây dựng đô thị vừa và nhỏ tại nhiều kiến phân bố dân cư hợp lý. Bên cạnh nội bán thành các đô thị lớn cũng cần chú ý nâng lương trước xu thế gia tăng nhanh dân số do di cư nên xây dựng các chiến lược phát triển, cần biết lập quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đô thị và các công trình công cộng nhằm tránh những tổn thất do quy hoạch sai lầm gây nên.

- Nâng mạnh các biện pháp nâng cao chất lượng dân số như: tăng chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, ưu tiên đầu tư cho giáo dục, y tế chăm sóc sức khỏe cho người dân, nâng cao dân trí, cần biết lập ô nhiễm vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn các dân tộc thiểu số tăng cường các biện pháp chống tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học, nâng cao tâm vóc, sức bền, trí lực, thể lực cho người Việt Nam.

- Kiên trì thực hiện các biện pháp, nâng cao, xây dựng một người dân bảo đảm công tác DS-KHHGD từ Trung ương nên nhà phòng ngừa yêu cầu, có chính sách nhà ngoài vùng nông thôn có bảo đảm công tác này ô nhiễm vùng sâu, vùng xa, vùng cần biết khôi phục.

- Thông xuyên tổng kết, rà soát, nghiên cứu và tình hình dân số và công tác DS-KHHGD nên đưa ra các chính sách kịp thời và phù hợp.

⁽¹⁷⁾ Báo Tuổi trẻ số ra ngày 15/08/2009.